TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2025/DS-ST
Ngày: 03-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phước.
2. Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2024/TLST-DS ngày 31/7/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 621/2024/QĐXXST-DS ngày 07/01/2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Hồ Anh T, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: Số A, đường L, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
– *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồ Cẩm T, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số B, đường G, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
– *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Hoàng A, sinh năm 1960 (vắng mặt) và luật sư Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (có mặt). Cùng địa chỉ: Văn phòng Luật sư Võ Hoàng A. Địa chỉ: Số F, đường K, Khóm C, Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Anh T trình bày: Ông Hồ Anh T và bà Nguyễn Hồ Cẩm T có quan hệ là họ hàng. Bà T là chủ hụi, ông T là hụi viên và ông T có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, bao gồm 05 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà T không nói do là chỗ người nhà nên tin tưởng, mở vào các ngày (01-10-20 âm lịch mỗi tháng) khui lần đầu vào ngày 01/07/2023 âm lịch (tức ngày 16/08/2023 dương lịch) hàng tháng. Ông T tham gia 05 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày

01/05/2023 và đã đóng được 13 kỳ hụi sống với số tiền là 114.750.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Hụi tháng 20.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà T không nói do là chỗ người nhà nên tin tưởng, dây hụi này khui vào ngày 19 âm lịch mỗi tháng, khui lần đầu vào ngày 19/03/2023 âm lịch (tức ngày 08/05/2023 dương lịch) hàng tháng. Ông T tham gia 01 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 19/03/2023 và đã đóng được 08 kỳ hụi sống với số tiền là 121.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Hụi tháng 5.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà T không nói do là chỗ người nhà nên tin tưởng, mở lần đầu vào ngày 28/02/2023 âm lịch (tức ngày 19/03/2023 dương lịch) hàng tháng. Ông T tham gia 04 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 28/02/2023 và đã đóng được 10 kỳ hụi sống với số tiền là 160.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 4: Hụi tháng 5.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà T có nói là 15 phần (chân), mở lần đầu vào ngày 01/05/2023 âm lịch (tức ngày 18/06/2023 dương lịch) hàng tháng. Ông T tham gia 02 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 01/05/2023 và đã đóng được 13 kỳ hụi sống với số tiền là 111.600.000 đồng.

- Dây hụi thứ 5: Hụi tháng 10.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà T không nói do là chỗ người nhà nên tin tưởng, mở lần đầu vào ngày 12/06/2023 âm lịch hàng tháng (tức ngày 29/07/2023 dương lịch). Ông T tham gia 02 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 12/06/2023 và đã đóng được 05 kỳ hụi sống. Tổng số tiền ông T đóng cho bà T là 78.000.000 đồng.

Vào ngày 29/07/2023, bà T nói với ông Tài có người bán 01 chân hụi hỏi ông T muốn chồng không, ông T tin tưởng cũng đồng ý với bà T. Tổng tiền ông T chồng cho 01 chân hụi này là 115.000.000 đồng. Chính vì vậy, ở dây hụi thứ 5 tổng cộng ông T đóng cho bà T là 193.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng ông T đã đóng hụi cho bà T với 05 dây hụi với số tiền là 701.150.000 đồng (Bảy trăm linh một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, vào khoảng tháng 12/2023 bà T nói không còn khả năng chi trả và không hẹn khi nào sẽ thanh toán. Ông T có liên hệ với bà T để thỏa thuận việc trả nợ nhưng bà Nguyễn Hồ Cẩm T không thiện chí.

Nay ông Tài yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Hồ Cẩm T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Hồ Anh T số tiền đã đóng hụi là 701.150.000 đồng và buộc bà Nguyễn Hồ Cẩm T phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/năm, tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 22/01/2025 là 101.260.083 đồng. Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Hồ Cẩm T phải trả là 802.410.083 đồng.

Tại phiên toà, ông Tài thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Đồng thời rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi thứ 4 và số tiền chồng hụi cho bà T.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Hồ Cẩm T, nhưng bà T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như không tham phiên tòa.

– Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Văn T cho rằng hành vi của bà T có dấu hiệu tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp Toà án không chấp nhận yêu cầu chuyển hồ sơ nêu trên thì đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Hồ Cẩm T, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Võ Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà T trả tiền hụi 701.150.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 10/8/2023 đến ngày 22/01/2025 là 101.260.083 đồng. Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Hồ Cẩm T phải trả là 802.410.083 đồng. Tại phiên toà ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, chỉ yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi của dây thứ 1, 2, 3, 5 với số tiền 474.550.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên toà, ông T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi thứ 4 với số tiền là 111.600.000 đồng và rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chồng hụi là 115.000.000 đồng. Xét thấy việc rút lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn ông Hồ Anh T cho rằng ông T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Hồ Cẩm T làm chủ hụi. Ông T chơi 04 dây hụi, tổng cộng ông T đã đóng hụi cho bà T với 04 dây hụi là 474.550.000 đồng. Đến tháng 12/2023 bà T nói không có khả năng trả, ông T yêu cầu bà T trả số tiền đã đóng hụi nhưng bà T không thiện chí nên phát sinh tranh chấp. Nay ông T yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi của dây hụi 1, 2, 3, 5 với tổng số tiền 474.550.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc T trả số tiền nợ của 04 dây hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2023 ông T có tham gia 04 dây hụi do bà T làm chủ hụi, ông T chưa hốt phần hụi nào, cụ thể:

[5.1] *Dây hụi thứ nhất:* Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở vào các ngày 01, 10, 20 âm lịch. Khui hụi lần đầu vào ngày 01/07/2023 âm lịch (tức ngày 16/08/2023 dương lịch). Ông T trình bày tham gia 05 phần hụi, bắt đầu đóng từ ngày 01/05/2023 và đã đóng được 13 kỳ hụi sống với số tiền là 114.750.000 đồng.

[5.2] *Dây hụi thứ hai:* Hụi tháng 20.000.000 đồng, khui vào ngày 19 âm lịch mỗi tháng, khui lần đầu vào ngày 19/03/2023 âm lịch (tức ngày 08/05/2023 dương lịch). Ông T tham gia 01 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 19/03/2023 và đã đóng được 08 kỳ hụi sống với số tiền là 121.800.000 đồng.

[5.3] *Dây hụi thứ ba:* Hụi tháng 5.000.000 đồng/tháng, mở lần đầu vào ngày 28/02/2023 âm lịch (tức ngày 19/03/2023 dương lịch) hàng tháng. Ông T tham gia 04 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 28/02/2023 và đã đóng được 10 kỳ hụi sống với số tiền là 160.000.000 đồng.

[5.4] *Dây hụi thứ năm:* Hụi tháng 10.000.000 đồng/tháng, danh sách hụi viên bà Tú không nói do là chỗ người nhà nên tin tưởng, mở lần đầu vào ngày 12/06/2023 âm lịch hàng tháng (tức ngày 29/07/2023 dương lịch). Ông T tham gia 02 chân hụi, bắt đầu đóng từ ngày 12/06/2023 và đã đóng được 05 kỳ hụi sống. Tổng số tiền ông T đóng cho bà T là 78.000.000 đồng.

[5.5] Theo ông T thì do hai bên có quan hệ họ hàng, tin tưởng nhau nên ông Tài không có yêu cầu bà T đưa danh sách hụi viên, khi đóng hụi cho bà T ông T cũng không có yêu cầu bà T ký nhận, nên ông T không cung cấp được danh sách hụi viên, không có tài liệu chứng cứ chứng minh có việc giao nhận tiền đóng hụi của từng dây hụi. Xét thấy, tại Biên bản làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Sóc Trăng ngày 10/01/2024 bà T trình bày bà T có làm đầu thảo hụi khoảng từ năm 2009 đến ngày 24/12/2023, có mở dây hụi nêu trên, ông T có tham gia các dây hụi gồm: dây thứ 1, 2, 3, 5.

- Đối với dây thứ 1, hụi tháng 2.000.000 đồng, gồm 15 phần, thừa nhận ông T tham gia 05 chân, chưa hốt, đã đóng được 13 kỳ. Như vậy số tiền còn nợ ông T 2.000.000 đồng x 05 chân x 13 kỳ là 130.000.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ tiền hụi dây này của ông T là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T chỉ có yêu cầu bà T trả số tiền 114.750.000 đồng là có lợi cho bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với dây thứ 2, hụi tháng 20.000.000 đồng, gồm 16 phần, thừa nhận ông T tham gia 01 chân, chưa hốt, đã đóng được 08 kỳ. Như vậy số tiền còn nợ ông T 20.000.000 đồng x 08 kỳ là 160.000.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà Tú là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ tiền hụi dây này của ông T là 160.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T chỉ có yêu cầu bà T trả số tiền 121.800.000 đồng là có lợi cho bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với dây thứ 3, hụi tháng 5.000.000 đồng, gồm 12 phần, thừa nhận ông T tham gia 04 chân, chưa hốt, đã đóng được 10 kỳ. Như vậy số tiền còn nợ ông Tài 5.000.000 đồng x 4 chân x 10 kỳ là 200.000.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ tiền hụi

dây này của ông T là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T chỉ có yêu cầu bà T trả số tiền 160.000.000 đồng là có lợi cho bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với dây thứ 5, hụi tháng 10.000.000 đồng, gồm 15 phần, thừa nhận ông T tham gia 02 chân, chưa hốt, đã đóng được 05 kỳ. Như vậy số tiền còn nợ ông Tài 10.000.000 đồng x 02 phần x 5 kỳ là 100.000.000 đồng. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà T có nợ tiền hụi dây này của ông T là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T chỉ có yêu cầu bà T trả số tiền 78.000.000 đồng là có lợi cho bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.6] Xét thấy, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự thì hụi là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận giữa một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp hoặc lĩnh hụi. Việc xác lập giao dịch hụi giữa ông T với bà T là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung giao dịch không trái quy định của pháp luật nên việc góp hụi nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các Điều 117, 118, 400, 401, 471 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện giao dịch hụi, bà Tú là chủ hụi có nhận tiền hụi của hụi viên, nhưng hụi chưa mãn thì ngưng và không trả tiền hụi cho ông T là hụi viên đã đóng cho bà T, nên đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, nên ông Tài có quyền yêu cầu bà T trả lại tiền hụi theo quy định tại Điều 15, Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó việc ông T yêu cầu bà Tú trả tiền hụi đối với dây hụi của 04 dây hụi nêu trên với tổng số tiền 474.550.000 đồng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T về việc yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi với tổng số tiền 474.550.000. Như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của ông T và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T là luật sư Nguyễn Văn T về việc đề nghị Toà án chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Sóc Trăng, do có dấu hiệu tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xét thấy, trước khi khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà T, ông T đã gửi đơn tố cáo bà T tại Cơ quan điều tra, Công an tỉnh Sóc Trăng. Ngày 15/01/2024 Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng đã có Phiếu hướng dẫn số 06/HD-VPCQCSĐT, có nội dung hướng dẫn ông T khởi kiện đến Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, do nhận thấy vụ việc trên chưa đủ căn cứ xác định có dấu hiệu của tội phạm, là tranh chấp lĩnh vực dân sự. Đến ngày 07/6/2024 Toà án đã nhận được Đơn khởi kiện của ông T đề ngày 03/6/2024 do dịch vụ bưu chính chuyển đến về tranh chấp nợ hụi với bà T. Tại phiên toà ông T cũng thừa nhận từ ngày khởi kiện đến nay không có diễn biến gì mới so với lúc ông tố cáo bà T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng, chỉ có phát sinh việc bà T không còn ở địa phương. Thấy rằng, bà T là người có người vụ thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người có quyền là ông T biết về nơi cư trú, làm việc mới thì thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ,

nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung và thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu trên của ông T và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Tài là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi tổng cộng 474.550.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà T cùng phải chịu 22.982.000 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Tài được chấp nhận. Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 400, Điều 401, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 22, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Anh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Hồ Cẩm T trả tiền nợ hụi của dây hụi thứ 1, 2, 3, 5.

- Buộc bà Nguyễn Hồ Cẩm T trả cho ông Hồ Anh T số tiền nợ hụi của dây thứ 1 là 114.750.000 đồng; dây thứ 2 là 121.800.000 đồng; dây thứ 3 là 160.000.000 đồng, dây thứ 5 là 78.000.000 đồng. Tổng cộng là 474.550.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồ Anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Hồ Cẩm T không trả số tiền trên, thì bà Nguyễn Hồ Cẩm T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Hồ Anh T đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Hồ Cẩm T trả tiền hụi của dây thứ 4 là 111.600.000 đồng và số tiền chồng hụi 115.000.000 đồng.

3/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồ Cẩm T phải chịu 22.982.000 đồng án phí sơ thẩm.

Ông Hồ Anh T không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 17.365.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001934 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Chiêm Ngọc Linh